TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/KDTM-ST
Ngày: 05 tháng 4 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Kim;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiên;

2. Bà Nguyễn Thị Thuần;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST–KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2022 về "V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2023/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần A;

Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà P, sinh năm 1991, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 17/10/2022 của Công ty cổ phần A);

Nơi thường trú: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định;

Địa chỉ liên lạc: Đường N, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B;

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố H, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông T, sinh năm 1976, là người đại diện theo pháp luật của Công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0310781177, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/3/2020);

Địa chỉ: Khu phố H, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, biên bản thì với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà P trình bày:

Công ty cổ phần A (sau đây viết tắt là Công ty A) kinh doanh ngành nghề buôn bán vật liệu trong xây dựng.

Ngày 16/5/2019 giữa Công ty A với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B (sau đây viết tắt là Công ty B) ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán sắt thép số: 1605/VNTT-VTA/2019. Theo nội dung Hợp đồng:

Công ty A đồng ý bán và Công ty B đồng ý mua thép xây dựng, thép hình, thép tấm các loại, cừ Larsen, thép cáp dự ứng lực, xi măng các loại hoặc hàng hóa khác theo thỏa thuận tại đơn đặt hàng, bảng báo giá.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Công ty B thanh toán cho Công ty A 100% giá trị đơn hàng (căn cứ vào Biên bản giao nhận hàng hóa và hóa đơn GTGT) trong vòng 20 ngày kể từ ngày giao nhận hàng và hóa đơn GTGT.

Ngoài ra, trong Hợp đồng còn quy định điều, khoản khác.

Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Công ty A đã báo giá đến Công ty B và Công ty B đã nhận hàng. Đồng thời, Công ty A đã gửi Biên bản giao nhận hàng hóa – Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000127 ngày 20/5/2019 tổng cộng số tiền Công ty B thanh toán cho Công ty A 503.467.353 (năm trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng. Tuy nhiên, Công ty B chỉ thanh toán 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Còn lại 503.467.353 đồng – 150.000.000 đồng = 353.467.353 (ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng Công ty B chưa thanh toán mặc dù Công ty A nhiều lần nhắc nhở.

Ngày 31/7/2020 giữa Công ty A với Công ty B lập Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, thể hiện Công ty B còn nợ Công ty A số tiền hàng chưa thanh toán 353.467.353 (ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng. Do quá bức xúc vì Công ty B không thanh toán tiền hàng còn nợ, nên ngày 08/3/2022 Công ty A gửi Đơn tố cáo đến Công an quận Tân Phú,Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17/10/2022 Công ty A khởi kiện Công ty B tại Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1/ Yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 353.467.353 (ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng.

2/ Yêu cầu Công ty B thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 13/10/2022 (tương ứng 1.222 ngày, với lãi suất 0,04%/ngày) là 183.914.842 (một trăm tám mươi ba triệu chín trăm mười bốn nghìn tám trăm bốn mươi hai) đồng. Cụ thể:

- Ngày 10/6/2019 đến ngày 25/8/2019, tương ứng 77 ngày, số tiền chưa thanh toán 503.467.353 đồng. Như vậy: 503.467.353 đồng x 77 ngày x 0,04%/ngày = 15.506.795 đồng;

- Ngày 26/8/2019 đến ngày 24/11/2019, tương ứng 91 ngày, số tiền chưa thanh toán 453.467.353 đồng. Như vậy: 453.467.353 đồng x 91 ngày x 0,04%/ngày = 16.506.211 đồng (Do bị đơn thanh toán được 50.000.000 đồng, nên nguyên đơn lấy 503.467.353 đồng – 50.000.000 đồng = 453.467.353 đồng);

- Ngày 25/11/2019 đến ngày 16/4/2020, tương ứng 144 ngày, số tiền chưa thanh toán 403.467.353 đồng. Như vậy: 403.467.353 đồng x 144 ngày x 0,04%/ngày = 23.239.720 đồng. (Do bị đơn thanh toán được 50.000.000 đồng, nên nguyên đơn lấy 453.467.353 đồng – 50.000.000 đồng = 353.467.353 đồng

- Ngày 17/8/2020 đến ngày 13/10/2022, tương ứng 910 ngày, số tiền chưa thanh toán 353.467.353 đồng. Như vậy: 353.467.353 đồng x 910 ngày x 0,04%/ngày = 128.662.116 đồng.

Tổng cộng: 353.467.353 đồng + 183.914.842 đồng = 537.382.195 (năm trăm ba mươi bảy triệu ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi lăm) đồng.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bị đơn vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 15/3/2023 bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến yêu cầu đã trình bày trong quá trình tố tụng.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thanh toán tiền mua hàng. Đây là quan hệ pháp luật "V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B có địa chỉ trụ sở chính tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 30, 35, 36, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Xét Hợp đồng nguyên tắc mua bán sắt thép số: 1605/VNTT-VTA/2019 ngày 16/5/2019;

Xét Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/7/2020;

Hợp đồng nguyên tắc mua bán sắt thép số: 1605/VNTT-VTA/2019 lập ngày 16/5/2019 được hai bên ký kết thể hiện sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Nguyên đơn giao hàng hóa theo đúng các điều khoản của Hợp đồng. Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/7/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn 353.467.353 (ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng.

Trong quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt từ bỏ quyền tranh tụng.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 và các Điều 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 thì: "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận". Như vậy, có cơ sở khẳng định bị đơn còn nợ tiền mua hàng của nguyên đơn 353.467.353 (ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng, nên yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/6/2019 đến ngày 13/10/2022, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi 183.914.842 (một trăm tám mươi ba triệu chín trăm mười bốn nghìn tám trăm bốn mươi hai) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại tiểu mục 3.4 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc mua bán sắt thép số: 1605/VNTT-VTA/2019 ngày 16/5/2019 các bên có thỏa thuận tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Theo Điều 47 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp kinh doanh thương mại có giá ngạch 20.000.000 đồng + 4% x 137.382.195 đồng = 25.495.287 (hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 12.747.644 (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0004779 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 36, 39, 91, 92, 93, 147, 227, 228, 233, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3, 24, 50, 55, 306, 317, 319 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần A 537.382.195 (năm trăm ba mươi bảy triệu ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi lăm) đồng.

Việc thi hành án do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B phải chịu án phí sơ thẩm 25.495.287 (hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần A tiền tạm ứng án phí 12.747.644 (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bốn) đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0004779 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự; thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Mỹ Kim